HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /2020/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-VHXH-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông (gọi tắt là học sinh); cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, người thực hiện công tác quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nội dung, mức thu

Mức thu theo quy định dưới đây là mức thu tối đa. Tùy thuộc vào tình hình kinh tế từng địa phương (huyện, thị xã, thành phố), theo nhu cầu đề xuất của cha mẹ học sinh, nhà trường thỏa thuận với phụ huynh học sinh về chủ trương và mức thu cụ thể, nhưng không vượt quá mức tối đa Nghị quyết này quy định. Thu không quá 09 tháng/01 năm học.

Ngoài các khoản kinh phí được thu theo quy định và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường tại Nghị quyết này, các trường công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận bất cứ khoản thu nào khác.

1. Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Stt	Cấp học	Trường thuộc thành thị (phường, thị trấn)	Trường thuộc nông thôn (các xã thuộc khu vực I)	Trường thuộc miền núi (các xã còn lại)
1	Trung học phổ thông (Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên)	45.000	40.000	35.000
2	Trung học cơ sở (Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên)	40.000	35.000	30.000
3	Tiểu học, Mầm non	35.000	30.000	25.000

2. Khoản thu phí học bán trú (không bao gồm tiền ăn, nước uống của học sinh)

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Stt	Cấp học	Trường thuộc thành thị (phường, thị trấn)	Trường thuộc nông thôn (các xã thuộc khu vực I)	Trường thuộc miền núi (các xã còn lại)
1	Tiểu học	300.000	280.000	260.000
2	Mầm non	320.000	300.000	280.000

(Riêng tiền ăn, tiền nước uống của học sinh: Thỏa thuận trực tiếp theo nhu cầu của phụ huynh học sinh).

3. Khoản thu phí học 2 buổi

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Stt	Cấp học	Trường thuộc thành thị (phường, thị trấn)	Trường thuộc nông thôn (các xã thuộc khu vực I)	Trường thuộc miền núi (các xã còn lại)
1	Tiểu học	200.000	180.000	160.000
2	Mầm non	180.000	160.000	140.000

Mức thu trên đã bao gồm tiền lương của các hợp đồng lao động cấp dưỡng do ngân sách không cấp theo quy định của Quyết định số 999-QĐ/TU

ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Công tác quản lý thu, chi

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết cụ thể nội dung chi các khoản và công tác quản lý thu, chi đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chế độ miễn, giảm

Căn cứ tình hình thực tế, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất xem xét miễn, giảm cho các trường hợp sau:

1. Miễn các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc một trong các trường hợp sau: Có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; bị tàn tật, khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; người dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Giảm 50% các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc một trong các trường hợp sau: con của gia đình hộ cận nghèo; con gia đình kinh tế rất khó khăn; con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Huỳnh Thị Hằng

Người ký: Ngô Quốc Huy
Cơ quan: Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản, Sở Tư pháp, Tỉnh Bình Phước
Chức vụ: Trưởng phòng
Thời gian ký: 13.08.2020 08:24:32 +07:00